

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HÀ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 636 /QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÀ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/09/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/09/2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND xã Hà Đông về việc phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp bãi tập kết rác thôn Vĩnh Ninh và thôn Phù Tinh thuộc nguồn chi thường xuyên xã Hà Đông năm 2025;

Căn cứ Biên bản thẩm tra quyết toán dự án: Cải tạo, nâng cấp bãi tập kết rác thôn Vĩnh Ninh và thôn Phù Tinh thuộc nguồn chi thường xuyên xã Hà Đông năm 2025 ngày 16 tháng 4 năm 2026 ;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành**

- Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp bãi tập kết rác thôn Vĩnh Ninh và thôn Phù Tinh thuộc nguồn chi thường xuyên xã Hà Đông năm 2025.

- Chủ đầu tư: Phòng kinh tế xã Hà Đông.

- Địa điểm xây dựng: Xã Hà Đông, thành phố Hải Phòng.
- Thời gian khởi công: Ngày 10/12/2025;
- Thời gian hoàn thành: Ngày 30/12/2025.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) hoặc chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	0	0
2	Xây dựng	1.060.281.000	1.060.281.000
3	Quản lý dự án	28.227.000	28.227.000
4	Tư vấn	97.986.000	97.986.000
5	Chi phí khác	21.506.000	0
6	Dự phòng	38.055.000	0
	<b>Tổng số</b>	<b>1.246.055.000</b>	<b>1.186.494.000</b>

### 2. Vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	<b>Tổng số</b>	<b>1.246.055.000</b>	<b>1.186.494.000</b>

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư công</b>	<b>1.246.055.000</b>	<b>1.186.494.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Vốn Ngân sách nhà nước</b>	<b>1.246.055.000</b>	<b>1.186.494.000</b>
	- Vốn ngân sách thành phố hỗ trợ	0	0
	- Vốn ngân sách xã	1.246.055.000	1.186.494.000
<b>1.2</b>	<b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác</b>	0	0
<b>2</b>	<b>Vốn khác (nếu có)</b>	0	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án: 1.186.494.000 đồng.

5. Giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng: Không.

### **Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tắt toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	<b>Tổng số</b>	<b>1.186.494.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư công</b>	<b>1.186.494.000</b>	
<b>1.1</b>	<b>Vốn Ngân sách nhà nước</b>	<b>1.186.494.000</b>	
	- Vốn ngân sách trung ương	0	
	- Vốn ngân sách xã	1.186.494.000	
<b>1.2</b>	<b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác</b>	0	
<b>2</b>	<b>Vốn khác (nếu có)</b>	0	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 16 tháng 4 năm 2026:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 0 đồng.

Các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân được chi tiết tại phụ lục kèm theo.

2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan: Giá trị đầu tư công trình được phê duyệt quyết toán là căn cứ để chủ đầu tư và đơn vị nhận sử dụng ghi sổ và hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; là căn cứ để chủ đầu tư và các đơn vị liên quan bố trí đủ vốn để trả nợ khối lượng hoàn thành đã quyết toán.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; phòng Kinh tế, kế toán, cá nhân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy xã; TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các đơn vị liên quan; Công TT điện tử xã;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Đại**